

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13 - 8 - 2024
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Diễm

2. Bà Lê Thị Kim Liên

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Càng Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ngoan - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 250/2023/TLST-HNGĐ, ngày 20 tháng 10 năm 2023 về “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Châu Thị Trúc N, sinh năm 1997 (có mặt)

Nơi cư trú: ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và tại phiên tòa chị Châu Thị Trúc N trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn H quen biết tìm hiểu nhau quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh cùng năm 2016. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 6 năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống và trong sinh hoạt hàng ngày, không tin tưởng nhau, vợ chồng không tìm được tiếng nói chung. Từ tháng 12 năm 2022 cho đến

nay, chị và anh H sống ly thân không quan tâm gì đến nhau.

Nay nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nữa, chị yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị và anh H có một người con chung tên là Nguyễn Huy K, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016 hiện sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chị chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Chị N không đặt ra yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Quá trình chung sống chị và anh H không có thiếu nợ ai và cũng không ai thiếu nợ vợ chồng nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 12 tháng 3 năm 2024, anh Nguyễn Văn H có lời trình bày như sau: Anh và chị N quen biết nhau quyết định tiến đến hôn nhân, được gia đình hai bên tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán vào năm 2016 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh vào cùng năm 2016. Sau khi cưới, vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng ý kiến thường xuyên cự cãi, lâu lâu anh có uống rượu chị N không đồng ý dẫn đến vợ chồng cự cãi, chị N về nhà cha mẹ ruột ở tại ấp S, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh, vợ chồng sống ly thân cho đến nay.

Về con chung: Anh và chị N có một người con chung là Nguyễn Huy K, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016 hiện sống chung với chị N.

Về tài sản chung: Không có.

Về nợ: Không có.

Nay anh xác định mâu thuẫn vợ chồng không lớn nên không đồng ý ly hôn với chị N, mong muốn vợ chồng đoàn tụ để cùng nhau nuôi dạy con chung.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2023, cháu Nguyễn Huy K có lời trình bày: Cháu là con ruột anh Nguyễn Văn H và chị Châu Thị Trúc N. Nếu chị N, anh H ly hôn cháu có nguyện vọng được tiếp tục sống chung với chị N.

Tại phiên tòa, anh H vắng mặt không có lý do mặc dù được Tòa án tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập đương sự.

Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Thẩm phán tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện nghiêm quyền và nghĩa vụ của mình, không có mặt tham gia các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, cũng không có mặt tại Tòa mặc dù Tòa án thông báo hợp lệ.

Về nội dung: Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 28, 35, 39, 147, 227 của Bộ luật tố tụng dân sự; các Điều 19, 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia

đình năm 2014; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Châu Thị Trúc N.

Về hôn nhân: Cho chị Châu Thị Trúc N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: chị Châu Thị Trúc N được quyền trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng Nguyễn Huy K, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016.

Sau khi ly hôn người không trực tiếp nuôi con có quyền nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N chưa yêu cầu nên không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: không có, không xem xét giải quyết.

Về án phí: chị N phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Chị Châu Thị Trúc N khởi kiện yêu cầu giải quyết cho chị được ly hôn và giải quyết việc nuôi con chung với anh Nguyễn Văn H có nơi cư trú tại Khóm A, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự xác định đây là vụ án “*Ly hôn và tranh chấp về nuôi con*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2]. *Về tố tụng:* Anh Nguyễn Văn H đã được tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 110/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số: 117/2024/QĐST-HNGĐ ngày 29 tháng 7 năm 2024 nhưng vắng mặt tại phiên tòa, không có lý do. Do đó, căn cứ các Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh H.

[3]. *Về hôn nhân:* Chị Châu Thị Trúc N và anh Nguyễn Văn H tự nguyện kết hôn vào năm 2016, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân UBND thị trấn C theo Giấy chứng nhận kết hôn số 32 ngày 09 tháng 5 năm 2016. Do đó, theo quy định tại Điều 8, Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 xác định hôn nhân của chị N, anh H là hợp pháp. Trong cuộc sống hôn nhân của chị N, anh H phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung dẫn đến tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, không còn quan tâm đến nhau. Mục đích của cuộc sống hôn nhân là để cùng nhau xây dựng gia đình hạnh phúc nhưng hôn nhân của chị N, anh H không đạt được mục đích đó. Khi mâu thuẫn, chị N, anh H không tìm giải pháp khắc phục mà sống ly thân. Đồng thời theo kết quả xác minh đối với chính quyền địa phương cung cấp, trong cuộc sống hôn nhân, anh H thường xuyên uống rượu dẫn đến vợ chồng cự cãi, hiện nay chị N và anh H đã sống ly thân. Mặc khác, vào năm 2023 chị N đã từng nộp đơn xin ly hôn, sau đó rút đơn nhưng vợ chồng vẫn không hàn gắn được. Từ đó cho thấy hôn nhân của chị N và anh H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nữa. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị N, cho chị N được ly hôn anh H.

[4]. *Về con chung*: Chị N và anh H có một người tên là Nguyễn Huy K, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016, hiện sống chung với chị N. Khi ly hôn, chị N yêu cầu được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vì từ trước đến nay chị là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con. Quá trình tố tụng anh H không có ý kiến về việc nuôi con. Xét việc giao con cho ai chăm sóc nuôi dưỡng phải đảm bảo sự phát triển tốt nhất cho con, hiện cháu K đang sống chung với chị N và được chăm sóc chu đáo về mọi mặt. Do đó, để đảm bảo cho cháu K được phát triển tốt về thể chất và tinh thần nên giao cháu K cho chị N chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình và cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu K.

[5]. *Về cấp dưỡng nuôi con*: Tòa án giải thích theo quy định tại các Điều 82, 107 và Điều 110 của Luật Hôn nhân và gia đình về cấp dưỡng nuôi con nhưng chị N chưa đặt ra yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

[6]. *Về tài sản*: Chị N không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xét.

[7]. *Về nợ*: Chị N khai không có, Tòa không xét.

[8]. *Về án phí*: Chị N là nguyên đơn khởi kiện không thuộc trường hợp miễn, giảm án phí nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 227, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 43 Bộ luật dân sự năm 2015; Các Điều 51, 56, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Châu Thị Trúc N.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Châu Thị Trúc N được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Chị Châu Thị Trúc N được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung Nguyễn Huy Khánh, sinh ngày 08 tháng 11 năm 2016.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được quyền cản trở. Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con khi cần thiết và có yêu cầu của các bên Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Về cấp dưỡng nuôi con: Chị N chưa đặt ra yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Tòa không xem xét.

Về tài sản: Chị N không đặt ra yêu cầu giải quyết nên Tòa không xem xét.

Về nợ: Chị N khai không có, Tòa không xem xét.

Về án phí: Chị N có nghĩa vụ nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được miễn trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0013986 ngày 16 tháng 10 năm 2023 do Chi cục Thi hành án dân sự huyện Càng Long thu. Chị N đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai có mặt nguyên đơn, vắng mặt bị đơn, báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- UBND TT Càng Long;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang